

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 10/2024
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 10/10/2024

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	40	0	15,000
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	0	38,700
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	50	50	0	24,450
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	30	20	10	47,850
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	40	40	0	13,730
6	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	50	50	0	65,100
7	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	40	0	65,330
8	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	0	47,030
9	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	73,880
10	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	0	34,200
11	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	0	186,750
12	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	68,500
13	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	20	20	0	19,580
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	0	57,280
15	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	40	0	64,260
16	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	0	66,810
17	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	40	30	10	13,550
18	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	0	-
19	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	22,650
20	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	0	67,050
21	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	0	77,700
22	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	0	52,500
23	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	0	18,600
24	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	0	59,030
25	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	40	40	0	96,150
26	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	0	54,080
27	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	0	130,000
28	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	0	31,450
29	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	30	30	0	44,630
30	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	0	19,500
31	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	80	30	30	0	-
32	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	0	51,450
33	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	0	130,750
34	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	40	10	52,600

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
35	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	0	60,750
36	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	0	56,180
37	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	0	146,120
38	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	0	49,620
39	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	0	20,000
40	DNP	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	100	50	50	0	-
41	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	0	86,850
42	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	48,310
43	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	0	63,900
44	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	50	50	0	47,180
45	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	0	83,100
46	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	50	0	112,040
47	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	40	40	0	16,000
48	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	0	-
49	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	0	-
50	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	0	9,470
51	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	0	70,580
52	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	0	191,220
53	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	0	48,740
54	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	0	110,550
55	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	30	30	0	17,480
56	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	0	-
57	GIL	Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	100	20	20	0	46,280
58	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	0	87,080
59	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	0	19,500
60	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	40	40	0	45,250
61	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	0	60,680
62	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	20	10	24,980
63	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	0	33,420
64	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	40,500
65	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	50	-10	38,000
66	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	0	43,200
67	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	50	25	25	0	-
68	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	0	38,580
69	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	30	30	0	4,750
70	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	0	30,230
71	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	30	30	0	13,560
72	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	90	45	45	0	-
73	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	88,950
74	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	40	40	0	13,890

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
75	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	40	0	21,150
76	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	0	64,710
77	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	40	40	0	36,510
78	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	0	77,250
79	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	0	40,900
80	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	50	40	10	14,510
81	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Duong	100	50	50	0	19,000
82	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	40	-10	16,280
83	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	0	4,800
84	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	0	53,550
85	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	0	42,470
86	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	0	37,880
87	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	0	40,580
88	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	0	17,400
89	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	40	10	80,000
90	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	0	78,490
91	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	0	31,730
92	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	100	30	30	0	28,020
93	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	0	115,600
94	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	0	134,850
95	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	40	40	0	31,650
96	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	30	40	-10	54,520
97	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	0	34,130
98	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	40	40	0	32,630
99	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	0	99,300
100	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	0	17,480
101	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	0	38,740
102	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	0	35,630
103	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	40	50	-10	43,200
104	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	0	-
105	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	20	30	35,040
106	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	0	21,380
107	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí tập áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	46,500
108	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	0	51,450
109	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	0	8,240
110	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	0	84,660
111	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	30	0	37,350
112	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	0	67,800
113	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	0	149,100
114	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	17,810
115	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	45,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
116	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	15,000
117	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	0	37,090
118	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	0	-
119	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	0	67,200
120	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	62,400
121	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	0	42,000
122	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	0	99,900
123	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	0	13,200
124	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	0	86,250
125	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	30	30	0	9,660
126	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	0	45,300
127	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	40	40	0	19,880
128	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	30	40	-10	8,170
129	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	0	120,300
130	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	15,680
131	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	0	-
132	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	22,950
133	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	0	-
134	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	0	303,750
135	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	40	40	0	43,500
136	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	0	24,750
137	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	0	39,900
138	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	0	47,780
139	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	30	30	0	36,480
140	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	0	45,840
141	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	0	60,450
142	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	0	35,330
143	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	50	50	0	26,250
144	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	0	70,050
145	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	40	0	73,500
146	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	100	50	50	0	18,150
147	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	0	35,630
148	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	0	81,000
149	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	80	40	40	0	-
150	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	0	37,320
151	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	0	23,100
152	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	0	-
153	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	0	115,050
154	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	40	40	0	59,850

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
155	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	80	40	40	0	-
156	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	30	20	10	46,800
157	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	40	40	0	33,030
158	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	0	-
159	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	0	135,650
160	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	0	28,280
161	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	0	44,860
162	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	0	99,150
163	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	0	66,300
164	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	0	108,000
165	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	0	66,380
166	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	0	28,650
167	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	-
168	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	30	20	10	19,130
169	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	0	-
170	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	40	10	20,000
171	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	0	105,450
172	VOS	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	100	40	40	0	23,400
173	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	0	-
174	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	0	-
175	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	0	28,580
176	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	30	10	25,950
177	VSH	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	100	40	40	0	75,000
178	VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	100	50	30	20	19,350
179	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	0	50	80,000
180	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
181	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
182	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
183	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
184	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
185	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
186	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
187	ADS	Công ty cổ phần Damsan	50	0			0
188	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
189	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
190	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
191	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
192	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	50	0			0
193	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
194	BCG	Công ty cổ phần Bamboo Capital	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
195	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
196	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
197	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
198	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
199	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
200	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
201	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
202	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
203	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
204	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
205	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	0	0			0
206	CTF	Công ty cổ phần City Auto	0	0			0
207	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
208	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
209	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
210	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
211	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	0			0
212	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
213	DHM	Công ty cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0	0			0
214	DMC	#N/A	0	0			0
215	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
216	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
217	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
218	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	0	0			0
219	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
220	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
221	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
222	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
223	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
224	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
225	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
226	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
227	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	50	0			0
228	HID	#N/A	0	0			0
229	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
230	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
231	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	50	0			0
232	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
233	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
234	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	50	0			0
235	HTG	#N/A	0	0			0
236	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
237	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
238	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
239	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
240	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	0			0
241	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
242	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
243	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	0	0			0
244	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
245	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
246	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
247	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
248	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
249	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
250	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
251	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
252	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
253	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
254	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
255	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
256	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	0	0			0
257	NAB	#N/A	50	0			0
258	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
259	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
260	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
261	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
262	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
263	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
264	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
265	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	50	0			0
266	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
267	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
268	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
269	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
270	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
271	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
272	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
273	QNP	#N/A	0	0			0
274	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
275	SBG	#N/A	50	0			0
276	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
277	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
278	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
279	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
280	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
281	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
282	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
283	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50	0			0
284	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
285	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	50	0			0
286	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
287	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
288	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
289	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
290	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
291	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
292	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
293	TCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	50	0			0
294	TCI	#N/A	0	0			0
295	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
296	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
297	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
298	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
299	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	0	0			0
300	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
301	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
302	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
303	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
304	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
305	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
306	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
307	TNH	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
308	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
309	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
310	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
311	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
312	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
313	VCA	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	0	0			0
314	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
315	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
316	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	50	0			0
317	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
318	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
319	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	50	0			0
320	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
321	VNG	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	0	0			0
322	VNL	#N/A	0	0			0
323	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
324	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
325	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
326	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
327	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
328	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
329	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
330	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
331	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0
332	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
333	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
334	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
335	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
336	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
337	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	50	0			0
338	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
339	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
340	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
341	BDB	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0	0			0
342	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
343	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
344	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
345	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
346	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
347	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
348	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
349	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
350	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
351	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
352	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
353	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	50	0			0
354	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
355	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
356	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
357	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
358	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
359	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
360	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
361	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
362	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
363	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
364	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
365	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
366	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
367	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
368	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
369	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
370	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
371	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
372	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
373	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
374	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
375	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
376	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
377	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	0	0			0
378	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	0	0			0
379	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
380	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
381	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
382	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
383	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
384	GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	0	0			0
385	GLT	Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
386	GMA	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	0	0			0
387	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
388	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
389	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
390	HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0	0			0
391	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
392	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
393	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
394	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
395	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
396	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
397	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	0	0			0
398	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
399	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
400	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
401	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
402	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
403	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
404	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
405	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
406	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
407	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
408	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
409	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
410	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
411	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
412	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
413	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
414	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
415	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
416	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
417	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
418	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
419	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
420	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
421	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
422	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
423	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
424	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
425	NBP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	0	0			0
426	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
427	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
428	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
429	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
430	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
431	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
432	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
433	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
434	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
435	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
436	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
437	PGN	Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	0	0			0
438	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
439	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
440	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
441	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
442	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
443	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
444	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
445	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
446	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
447	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
448	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
449	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
450	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
451	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
452	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
453	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
454	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0
455	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
456	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
457	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
458	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
459	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
460	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
461	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
462	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
463	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
464	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
465	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
466	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
467	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
468	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
469	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
470	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
471	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
472	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
473	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
474	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
475	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
476	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
477	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
478	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
479	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
480	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
481	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
482	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
483	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
484	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
485	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
486	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
487	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
488	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
489	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
490	TIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
491	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
492	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
493	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
494	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
495	TPH	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại T.P Hà Nội	0	0			0
496	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
497	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
498	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
499	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
500	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
501	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 10/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T10/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T09/2024	Thay đổi	
502	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
503	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
504	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
505	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
506	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
507	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
508	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	50	0			0
509	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
510	VE3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0	0			0
511	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
512	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	50	0			0
513	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
514	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
515	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
516	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
517	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
518	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
519	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
520	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
521	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
522	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
523	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
524	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0